

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 03/10/2019

V/v ly hôn giữa chị N và anh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tăng

Ông: Trương Ngọc Nhân

- Thư ký phiên toà: Ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: Không

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST – HNGĐ ngày 28/3/2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 472/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị Ái N; sinh năm 197*

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Đức H; sinh năm 197*

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2019 và quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tô Thị Ái Ng trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh H quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hoá Hợp, huyện Minh

Hóa, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hợp tính tình, anh H thường xuyên đánh đập chị N, đời sống chung không thể kéo dài. Hiện tại chị cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh H. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Con chung của vợ chồng: Chị N và anh H có 02 con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 06/02/200* và cháu Bùi Tấn D, sinh ngày 28/01/201*, chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi hai con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đ/con.

- Tài sản chung, vay nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N sẽ làm đơn đề yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2019 và tại phiên tòa anh Bùi Đức H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh H cũng đồng ý ly hôn như yêu cầu của chị N vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 06/02/200* và cháu Bùi Tấn D, sinh ngày 28/01/201*. Đồng ý giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung vì làm nghề tự do không có tiền thu nhập ổn định.

- Tài sản chung và vay nợ chung: Đồng ý với ý kiến của chị N là sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Quá trình giải quyết vụ án trước khi đưa vụ án ra xét xử anh H tỏ thái độ không hợp tác, không tôn trọng Tòa án thể hiện ở việc tự ý bỏ về không ký vào các biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải, biên bản giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập nhưng anh H không đến để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Chị N đề nghị anh H đóng góp cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đ/con do anh H có đủ điều kiện cấp dưỡng vì anh H là giám đốc một công ty chuyên sửa xe ô tô chứ không phải là một lao động tự do như anh H trình bày tại Tòa, việc trình bày như vậy chỉ để mục đích thoái thác trách nhiệm nuôi con chung.

- Anh H vẫn giữ nguyên quan điểm không cấp dưỡng cho hai con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Tô Thị Ái N yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Bùi Đức H, xét yêu cầu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận, căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa;

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Ái N và anh Bùi Đức H kết hôn với nhau vào năm 2003 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Hóa Hợp, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn, hôn nhân tự nguyện, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị Ái N: Vợ chồng chị N và anh H không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua lời trình bày của chị N và anh H tại Tòa án. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống và không thể hàn gắn. Chị N và anh H cũng đồng ý ly hôn. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N và anh H là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 06/02/200* và cháu Bùi Tấn D, sinh ngày 28/01/201*. nguyện vọng của chị N là xin nuôi con. Hai cháu A và D cũng muốn ở với mẹ và anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét sự thỏa thuận về con chung của chị N và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Qua lời trình bày của hai đương sự, đề phù hợp với mức thu nhập và điều kiện kinh tế của anh H cần buộc anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi là hợp lý.

[5]. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp nếu chị N muốn chia tài sản chung thì có quyền làm đơn khởi kiện để Tòa án chia số tài sản chung của hai vợ chồng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6]. Về án phí: Chị N và anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Tô Thị Ái N và anh Bùi Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Bùi Thị Lan A, sinh ngày 06/02/200* và cháu Bùi Tấn D, sinh ngày 28/01/201* cho chị Tô Thị Ái N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Đức H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con cho đến khi cháu A và cháu D đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2019.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom đến cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, có quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp nếu chị N muốn chia tài sản chung thì có quyền làm đơn khởi kiện để Tòa án chia số tài sản chung của hai vợ chồng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Chị Tô Thị Ái N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004103 ngày 28/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình. Chị Tô Thị Ái N đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ: Anh Bùi Đức H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/10/2019).

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Hoá Hợp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

